

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/KDTM-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017.
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2015/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2017/QĐXXST-KDTM ngày 15/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam.

Địa chỉ: Phố B, Phường H, Quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hùng A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Cẩm H** - sinh năm: 1978. (Có mặt)

Nơi làm việc: Đường T, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số: 0632/2017/UQ-TCB ngày 31/7/2017.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TM Đ.

Địa chỉ: Quốc lộ 22, Tổ 41, ấp M, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị H** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. (Vắng mặt)

Thường trú: Đường Đ, Phường 1, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2013, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm H trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng K Việt Nam) và Công ty TNHH TM Đ (gọi tắt là Công ty Đ) đã ký kết Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 20090/HĐHMTD/TCB-CMT ngày 28/12/2010 và Khế ước nhận nợ số: 20094 ngày 06/01/2011 vay số tiền 7.000.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng với lãi suất linh hoạt, áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên 16,3%/năm (+) biên độ 3,95%/tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bên thứ ba đã thế chấp tài sản của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Ông Tạ Phú T và bà Nguyễn Thị Bích L thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.151,2m², thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 1-9, tọa lạc tại phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509793, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00773 do Ủy ban nhân dân thành phố Tân An cấp ngày 20/10/2009 cho ông Tạ Phú T.

- Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị L thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 3.345m², thuộc thửa đất số 1259, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 013339, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 01615 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 17/01/2005 cho ông Lê Ngọc H.

- Bà Phạm Thị Mỹ V thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.503m², thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Hiệp Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 075830, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 04125 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 30/7/2009 cho bà Phạm Thị Mỹ V; và toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.265m², thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Hiệp Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 075829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 04126 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 30/7/2009 cho bà Phạm Thị Mỹ V.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ngân hàng K Việt Nam đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu Công ty Đ trả nợ nhưng yêu cầu của Ngân hàng không được thực hiện.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng K Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/6/2013 là 11.193.781.909 đồng, trong đó: nợ gốc 7.000.000.000 đồng và nợ lãi 4.193.781.909 đồng; và tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh thì Ngân hàng K Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm sau:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.151,2m², thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 1-9, tọa lạc tại phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509793, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00773 do Ủy ban nhân dân thành phố Tân An cấp ngày 20/10/2009 cho ông Tạ Phú T.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 3.345m², thuộc thửa đất số 1259, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 013339, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 01615 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 17/01/2005 cho ông Lê Ngọc H.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.503m², thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Hiệp Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 075830, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 04125 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 30/7/2009 cho bà Phạm Thị Mỹ V.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.265m², thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Hiệp Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 075829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 04126 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 30/7/2009 cho bà Phạm Thị Mỹ V.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thu hồi khoản nợ thì Công ty Đ có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ.

Từ nội dung trên, tại Quyết định dân sự sơ thẩm số: 74/2014/QĐST-KDTM ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã đình chỉ giải quyết vụ án, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2014, Ngân hàng K Việt Nam kháng cáo toàn bộ Quyết định sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 445/2015/QĐ-PT ngày 15/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 74/2014/QĐST-KDTM ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, chuyển giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiếp tục giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tiến hành việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng chỉ có đại diện Ngân hàng K Việt Nam có mặt theo triệu tập của Tòa án; đại diện Công ty Đ vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do, đã không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký; không chấp nhận yêu cầu trả tiền phạt chậm thanh toán

lãi trong hạn; đình chỉ yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 1.852.351.472 đồng và quyền được yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng K Việt Nam và Công ty Đ là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có trụ sở đặt tại xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ là bà Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng K Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/6/2013 là 11.193.781.909 đồng, trong đó: nợ gốc 7.000.000.000 đồng và nợ lãi 4.193.781.909 đồng; và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì Ngân hàng K Việt Nam có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Công ty Đ có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ.

Ngày 08/8/2016, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 1.852.351.472 đồng và quyền được yêu cầu tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến thời điểm xét xử là 16.520.747.016 đồng, trong đó: nợ gốc 5.147.648.528 đồng, lãi trong hạn 31.159.634 đồng, lãi quá hạn 11.323.736.018 đồng và phí phạt 18.202.836 đồng; và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật

Kèm theo đơn khởi kiện, Ngân hàng K Việt Nam cung cấp cho Tòa án Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 20090/HĐHMTD/TCB-CMT ngày 28/12/2010 và Khế ước nhận nợ số: 20094 ngày 06/01/2011 thể hiện Công ty Đ có vay của Ngân hàng K Việt Nam số tiền 7.000.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng với lãi suất linh hoạt, áp

dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên 16,3%/năm (+) biên độ 3,95%/tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh vào ngày 06/01/2011, Công ty Đ có vay của Ngân hàng K Việt Nam số tiền 7.000.000.000 đồng, với lãi suất linh hoạt, áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên 16,3%/năm (+) biên độ 3,95%/tháng đúng như nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Công ty Đ không tiếp tục thanh toán nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng K Việt Nam. Như vậy, bị đơn đã không trả tiền cho nguyên đơn khi đến hạn trả tiền là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi theo lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại Khế ước nhận nợ số 20094 ngày 06/01/2011, các đương sự có thỏa thuận với nhau liên quan đến phí phạt chậm trả và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, nghĩa vụ khác theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ trên số tiền chậm trả với mức lãi suất phạt bằng 150% lãi suất trong hạn, tính trên số tiền nhận nợ và tiền lãi, phạt, các khoản phải thanh toán. Do đó, ngoài tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh trong hạn do chậm thanh toán, Công ty Đ còn phải chịu tiền phạt do chậm thanh toán lãi trong hạn và tiền lãi nợ quá hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Từ những nhận định nêu trên, có đủ cơ sở chứng minh nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay đến ngày 26/9/2017 tổng số 16.520.747.016 đồng (trong đó: vốn gốc 5.147.648.528đ; lãi 11.373.098.488đ) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký và đình chỉ yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 1.852.351.472 đồng và quyền được yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

[1] Đình chỉ nội dung khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam về việc yêu cầu Công ty TNHH TM Đ phải trả số tiền nợ gốc 1.852.351.472 đồng và quyền được yêu cầu tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2013.

[2] Chấp nhận nội dung khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam yêu cầu Công ty TNHH TM Đ thanh toán nợ vay.

Buộc Công ty TNHH TM Đ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam tiền vay tạm tính đến ngày 26/9/2017 là 16.520.747.016đ (mười sáu tỉ, năm trăm hai mươi triệu, bảy trăm bốn bảy ngàn, không trăm mười sáu đồng), trong đó: nợ

gốc 5.147.648.528 đồng, lãi trong hạn 31.159.634 đồng, lãi quá hạn 11.323.736.018 đồng và lãi phạt 18.202.836 đồng; và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 20090/HĐHMTD/TCB-CMT ngày 28/12/2010 và Khế ước nhận nợ số: 20094 ngày 06/01/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Công ty TNHH TM Đ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 124.520.747đ (một trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi ngàn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần KT Việt Nam tiền tạm ứng án phí 59.596.891đ (năm mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm chín mươi một đồng) đã nộp theo biên lai số AE/2011/00096 ngày 24/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân